

**PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT****CHÍNH PHỦ****CHÍNH PHỦ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 66/2015/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2015

**NGHỊ ĐỊNH****Quy định về Nhà chức trách hàng không**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định về Nhà chức trách hàng không.*

**Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về cơ quan thực hiện chức năng Nhà chức trách hàng không; nhiệm vụ, quyền hạn và điều kiện bảo đảm hoạt động của Nhà chức trách hàng không.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động hàng không dân dụng tại Việt Nam.

**Điều 3. Cơ quan thực hiện chức năng nhà chức trách hàng không**

1. Cục Hàng không Việt Nam trực thuộc Bộ Giao thông vận tải là Nhà chức trách hàng không, trực tiếp thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của Nhà chức trách hàng không theo quy định của pháp luật và Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, Nhà chức trách hàng không sử dụng con dấu có hình quốc huy của Cục Hàng không Việt Nam; sử dụng tên giao dịch quốc tế của Cục Hàng không Việt Nam là “Civil Aviation Authority of Vietnam”.

## **Chương II**

### **NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA NHÀ CHỨC TRÁCH HÀNG KHÔNG**

#### **Điều 4. Ban hành chỉ thị, huấn lệnh và thực hiện các biện pháp khẩn cấp trong hoạt động hàng không dân dụng**

1. Ban hành chỉ thị, huấn lệnh để đảm bảo việc tuân thủ các quy định về an toàn hàng không, an ninh hàng không và duy trì hoạt động đồng bộ của dây chuyền vận chuyển hàng không trong các hoạt động sau đây:

- a) Khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay;
- b) Khai thác cảng hàng không, sân bay;
- c) Bảo đảm hoạt động bay;
- d) Vận chuyển hàng không;
- đ) Hoạt động hàng không chung.

2. Thực hiện các biện pháp khẩn cấp, bao gồm:

a) Quyết định việc tạm ngừng hoạt động bay tại sân bay trong trường hợp cần thiết vì lý do thiên tai hoặc khẩn nguy sân bay;

b) Đình chỉ hoạt động của người khai thác tàu bay, cơ sở cung cấp dịch vụ chuyên ngành hàng không; đình chỉ chuyến bay; đình chỉ hoạt động của tàu bay, phương tiện, thiết bị chuyên ngành hàng không trong trường hợp uy hiếp an toàn hàng không, an ninh hàng không;

c) Đình chỉ hoạt động của nhân viên hàng không trong trường hợp vi phạm các quy định về bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không hoặc cản trở hoạt động giao thông hàng không;

d) Chỉ đạo các đơn vị ngành hàng không thực hiện các biện pháp khẩn cấp khác để phục vụ quốc phòng, an ninh, khẩn nguy quốc gia.

3. Kiểm soát việc đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay của Cảng vụ hàng không; triển khai quyết định đóng cảng hàng không, sân bay của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

#### **Điều 5. Giám sát hoạt động hàng không dân dụng**

1. Giám sát việc khai thác, bảo dưỡng tàu bay, bao gồm:

- a) Duy trì đủ điều kiện bay của tàu bay;
- b) Duy trì đủ năng lực, điều kiện khai thác an toàn tàu bay;
- c) Duy trì đủ năng lực, điều kiện bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay.

2. Giám sát việc quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng hàng không, bao gồm:
  - a) Duy trì đủ năng lực, điều kiện quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng hàng không;
  - b) Thực hiện phương án, quy trình xây dựng, cải tạo, khai thác, bảo trì, ngừng hoặc đưa vào khai thác công trình hàng không;
  - c) Việc kiểm định kỹ thuật phương tiện, thiết bị chuyên ngành hàng không.
3. Giám sát bảo đảm hoạt động bay, bao gồm:
  - a) Tổ chức và quản lý bảo đảm hoạt động bay;
  - b) Duy trì đủ năng lực, điều kiện cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay.
4. Giám sát duy trì đủ năng lực, điều kiện khai thác vận chuyên hàng không, cung cấp dịch vụ chuyên ngành hàng không của các đơn vị trong ngành hàng không, bao gồm:
  - a) Hãng hàng không Việt Nam;
  - b) Doanh nghiệp cảng hàng không;
  - c) Doanh nghiệp kinh doanh hàng không chung;
  - d) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay.
5. Tổ chức kiểm tra, khảo sát, đánh giá chất lượng dịch vụ chuyên ngành hàng không. Khuyến cáo khắc phục việc bảo đảm quyền lợi của người sử dụng dịch vụ vận chuyên hàng không, dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay.
6. Giám sát, chỉ đạo hoạt động của lực lượng kiểm soát an ninh hàng không. Kiểm soát chất lượng an ninh hàng không. Tổ chức thực hiện, giám sát việc cấp thẻ, giấy phép và mẫu thẻ, mẫu giấy phép kiểm soát an ninh hàng không.
7. Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị của Bộ Quốc phòng và cơ quan có liên quan trong việc bảo đảm hoạt động bay. Giao nhiệm vụ bay hiệu chuẩn thiết bị dẫn đường hàng không cho tổ chức chuyên ngành hàng không phù hợp.
8. Hướng dẫn, chỉ đạo việc quản lý, tổ chức khai thác, bảo đảm an ninh, an toàn hàng không đối với hoạt động hàng không chung tại sân bay chuyên dùng, bãi cất hạ cánh trên mặt đất, dải cất hạ cánh trên mặt nước, vùng trời cho hoạt động hàng không chung sau khi được Bộ Tổng tham mưu cho phép tổ chức khai thác.
9. Giám sát việc duy trì đủ điều kiện cấp, công nhận, phê chuẩn giấy phép, giấy chứng nhận, năng định, tài liệu khai thác chuyên ngành hàng không dân dụng.

**Điều 6. Cấp, phê chuẩn, công nhận giấy phép, giấy chứng nhận, năng định, tài liệu khai thác chuyên ngành hàng không dân dụng**

1. Cấp, phê chuẩn, công nhận, gia hạn, thu hồi hoặc đình chỉ hiệu lực của giấy phép, giấy chứng nhận, năng định liên quan đến:

- a) Tàu bay và khai thác tàu bay;